| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THỊ XÃ A**<br>**TỈNH BÌNH ĐỊNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 61/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 11-03-2025
V/v "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Võ Duy Minh.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Trần Anh Dũng;

2. Bà Bùi Thị Tuyết Hoa.

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Mang Đức Kham - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A,*** *tỉnh Bình Định tham gia phiên toà*: Ông Nguyễn Thanh Liêm - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 03 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 269/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2024 về "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 283/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2025; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm: 1997 (vắng mặt, có Đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn P, sinh năm: 1996 (vắng mặt, có Đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã N1, thị xã A, tỉnh Bình Định.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo Đơn khởi kiện, các giai đoạn tố tụng tiếp theo, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ L trình bày:*

Trước khi kết hôn, chị và anh Nguyễn Văn P có tìm hiểu nhau khoảng hai năm. Cả hai tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 03/5/2017 tại Ủy ban nhân dân xã N1, thị xã A. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại nhà cha mẹ chồng tại thôn T, xã N1, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Cuộc sống vợ chồng ngay từ thời gian đầu đã không hạnh phúc. Nguyên nhân do anh P đi làm có tiền nhưng không lo cho gia đình mà tự tiêu xài cá nhân trong khi chị mới sinh con nên chưa đi làm để có thu nhập. Từ đó vợ chồng mâu thuẫn về kinh tế. Hơn nữa, anh P ham chơi, ít quan tâm và dành tình cảm cho vợ con. Mâu thuẫn tiếp diễn đến năm 2020 thì vợ chồng không còn sống chung với nhau. Từ khi không còn sống chung, cả hai vợ chồng thỉnh thoảng có liên lạc qua điện thoại nhưng không có ý định hàn gắn tình cảm để quay lại sống chung. Chị xác định không còn tình cảm với anh P nữa nên yêu cầu giải quyết ly hôn.

Vợ chồng có 01 người con chung tên Nguyễn Diễm H, sinh ngày 12/11/2017. Hiện nay con chung đang ở với chị. Chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Mặc dù đã được Tòa án giải thích quy định của pháp luật về quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nhưng chị xác định không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

*Theo các lời khai tại hồ sơ, bị đơn anh Nguyễn Văn P trình bày:*

Trước khi cưới, anh và chị Nguyễn Thị Mỹ L tìm hiểu nhau khoảng sáu năm. Cả hai tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 03/5/2017 tại Ủy ban nhân dân xã N1, thị xã A. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại nhà cha mẹ anh ở thôn T, xã N1. Quá trình chung sống, vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Vào năm 2020 anh đi làm bị tai nạn giao thông phải nhập bệnh viện cấp cứu do chấn thương sọ não. Sau đó anh nhập viện nhiều lần để điều trị nên chị L bỏ anh về nhà cha mẹ Linh ở từ năm 2020 cho đến nay.Từ đó đến nay vợ chồng không gặp nhau. Hiện nay anh đang nhận tiền trợ cấp xã hội hàng tháng. Chị L yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý.

Vợ chồng có một người con chung tên Nguyễn Diễm H, sinh ngày 12/11/2017. Hiện nay con chung đang ở với chị L. Chị L yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung thì anh đồng ý.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Nguyễn Văn P.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Diễm H, sinh ngày 12 tháng 11 năm 2017 cho chị Nguyễn Thị Mỹ L tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sau khi ly hôn. Chị Nguyễn Thị Mỹ L không yêu cầu anh Nguyễn Văn P cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh P không tranh chấp nên không xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Nguyễn Văn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Nguyễn Thị Mỹ L yêu cầu Tòa án giải quyết "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" với anh Nguyễn Văn P có địa chỉ cư trú tại thôn T, xã N1, thị xã A, tỉnh Bình Định. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Nguyễn Văn P đủ điều kiện kết hôn, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 03/5/2017 tại Ủy ban nhân dân xã N1. Theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Nguyễn Văn P là hợp pháp.

[3] Chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Nguyễn Văn P đều thừa nhận quá trình chung sống đã xảy ra nhiều mâu thuẫn và không còn sống chung từ năm 2020 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Mỹ L vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn và anh Nguyễn Văn P đồng ý. Do đó theo quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Nguyễn Văn P.

[4] Chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Nguyễn Văn P có một người con chung là cháu Nguyễn Diễm H, sinh ngày 12/11/2017. Hiện nay cháu H đang được chị L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị L yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu H và anh P đồng ý. Xét thấy yêu cầu của chị L là phù hợp với nguyện vọng của cháu H và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử ghi nhận và giao cháu H cho chị L tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sau khi ly hôn.

[5] Mặc dù đã được Tòa án giải thích về quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nhưng chị L vẫn không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không xem xét.

[6] Chị L và anh P không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[7] Về án phí: Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 11 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị L và anh P mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn.

[8] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 8, Điều 9, Điều 55, Điều 58, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 11 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Nguyễn Văn P.

2. Giao cháu Nguyễn Diễm H, sinh ngày 12 tháng 11 năm 2017 cho chị Nguyễn Thị Mỹ L tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sau khi ly hôn. Anh Nguyễn Văn P không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc làm ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

3. Không giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mỹ L phải chịu 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng)

tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005619 ngày 15/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A. Chị Nguyễn Thị Mỹ L được hoàn trả số tiền chênh lệch là 225.000 đồng (Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Buộc anh Nguyễn Văn P phải chịu 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án.

*Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Phòng Thanh tra, Kiểm tra và Thi hành án TAND tỉnh Bình Định;
- UBND xã N1, thị xã A (Giấy CNKH số 27/2017);
- Lưu: Văn phòng; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Duy Minh**